



## **động tài chính các tổ chức tín dụng Nhà nước:**

- Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính các tổ chức tín dụng Nhà nước nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động tài chính của tổ chức tín dụng Nhà nước để giúp tổ chức tín dụng Nhà nước khắc phục tồn tại, hoàn thành mục tiêu và kế hoạch kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng cạnh tranh; đồng thời góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật.

- Đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của tổ chức tín dụng Nhà nước nhằm phân loại tổ chức tín dụng Nhà nước và có các biện pháp khuyến khích động viên về vật chất, tinh thần đối với tổ chức tín dụng Nhà nước và người quản lý, điều hành tổ chức tín dụng Nhà nước hoạt động có hiệu quả, xử lý kịp thời đối với những tổ chức tín dụng Nhà nước và người quản lý, điều hành tổ chức tín dụng Nhà nước yếu kém.

### **2. Đối tượng áp dụng:**

- Các ngân hàng thương mại Nhà nước, các ngân hàng thương mại có cổ phần hoặc vốn góp của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng. Sau đây gọi chung là Tổ chức tín dụng.

- Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

## **II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **1. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của Tổ chức tín dụng:**

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của Tổ chức tín dụng bao gồm 6 chỉ tiêu được chia thành 3 nhóm như sau:

#### **1.1. Nhóm chỉ tiêu hoạt động chung:**

- Chỉ tiêu số 1: Tốc độ tăng huy động vốn
- Chỉ tiêu số 2: Tốc độ tăng đầu tư vốn
- Chỉ tiêu số 3: Tỷ lệ khả năng sinh lời
- Chỉ tiêu số 4: Chấp hành, thực hiện chính sách, chế độ.

#### **1.2. Nhóm chỉ tiêu an toàn sử dụng vốn:**

- Chỉ tiêu số 5: Tỷ lệ nợ quá hạn.

#### **1.3. Nhóm chỉ tiêu về lợi nhuận:**

- Chỉ tiêu số 6: Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận trên vốn.

### **2. Phương pháp xác định hệ thống chỉ tiêu và xếp loại Tổ chức tín dụng:**

- Số liệu để tính toán các chỉ tiêu xếp loại Tổ chức tín dụng là số liệu trên bảng cân đối kế toán (cấp III, cấp IV, cấp V), báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.



• Số bình quân của 12 tháng trong các công thức tính các chỉ tiêu xếp loại Tổ chức tín dụng được xác định bằng công thức:

$$\left( \frac{\text{Dư đầu kỳ tháng 1} + \text{Dư cuối kỳ tháng 1}}{2} + \dots + \frac{\text{Dư đầu kỳ tháng 12} + \text{Dư cuối kỳ tháng 12}}{2} \right) : 12 \text{ tháng}$$

### 2.1. Nhóm chỉ tiêu hoạt động chung:

a) Chỉ tiêu số 1: Tốc độ tăng huy động vốn.

• Công thức tính:

$$\text{Tốc độ tăng huy động vốn} = \left( \frac{\text{Số dư vốn huy động bình quân của 12 tháng năm nay}}{\text{Số dư vốn huy động bình quân của 12 tháng năm trước}} - 1 \right) \times 100\%$$

Trong đó: Số dư vốn huy động bao gồm tiền gửi từ dân cư và các tổ chức kinh tế (ngoại trừ tiền gửi, tiền vay của các Tổ chức tín dụng đang hoạt động kinh doanh ở trong nước), phát hành kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác.

• Cách xếp loại:

Tốc độ tăng từ 10% trở lên: Xếp loại A

Tốc độ tăng từ 0% đến dưới 10%: Xếp loại B

Tốc độ tăng từ dưới 0% trở xuống: Xếp loại C.

b) Chỉ tiêu số 2: Tốc độ tăng đầu tư vốn.

• Công thức tính:

$$\text{Tốc độ tăng đầu tư vốn} = \left( \frac{\text{Dư nợ cho vay và đầu tư giấy tờ có giá bình quân của 12 tháng năm nay}}{\text{Dư nợ cho vay và đầu tư giấy tờ có giá bình quân của 12 tháng năm trước}} - 1 \right) \times 100\%$$

Trong đó: Dư nợ cho vay gồm có cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước (không bao gồm cho vay các Tổ chức tín dụng đang hoạt động kinh doanh ở trong nước), cho thuê tài chính, nghiệp vụ chiết khấu và cầm cố giấy tờ có giá; đầu tư vào các giấy tờ có giá bao gồm đầu tư chứng khoán, công trái, trái phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác.

- Cách xếp loại:

Tốc độ tăng từ 10% trở lên: Xếp loại A

Tốc độ tăng từ 0% đến dưới 10%: Xếp loại B

Tốc độ tăng dưới 0% trở xuống: Xếp loại C.

c) Chỉ tiêu số 3: Tỷ lệ khả năng sinh lời.

- Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ khả năng sinh lời} = \frac{\text{Tài sản có sinh lời bình quân của 12 tháng}}{\text{Tổng tài sản có nội bảng bình quân của 12 tháng}} \times 100\%$$

Trong đó: Tài sản có sinh lời bao gồm tài sản có ở dạng tiền gửi, cho vay hoặc đầu tư vốn đang thu lãi, không tính các khoản nợ quá hạn không thu được lãi.

- Cách xếp loại:

Tỷ lệ khả năng sinh lời đạt từ 75% trở lên: Xếp loại A

Tỷ lệ khả năng sinh lời đạt từ 65% đến dưới 75%: Xếp loại B

Tỷ lệ khả năng sinh lời đạt dưới 65%: Xếp loại C.

d) Chỉ tiêu số 4: Chấp hành, thực hiện chính sách, chế độ.

Căn cứ vào việc chấp hành và thực hiện các chế độ chính sách Nhà nước đã ban hành trong lĩnh vực tài chính, bao

gồm: quy định về thuế, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán, chế độ tài chính đối với Tổ chức tín dụng, chế độ về chi tiêu, chế độ về mua sắm và quản lý tài sản để xác định chỉ tiêu này.

- Tổ chức tín dụng không có vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành: Xếp loại A.

- Tổ chức tín dụng có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm các quy định chế độ chính sách nhà nước hiện hành nhưng chưa đến mức bị xử phạt hành chính: Xếp loại B.

- Tổ chức tín dụng bị xử phạt vi phạm hành chính trong việc chấp hành các quy định của pháp luật hoặc người quản lý điều hành Tổ chức tín dụng (Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh cấp I và giám đốc doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc) có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ của Tổ chức tín dụng đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự: Xếp loại C.

## 2.2. Nhóm chỉ tiêu an toàn sử dụng vốn:

Chỉ tiêu số 5: Tỷ lệ nợ quá hạn.

- Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn} = \frac{\text{Dư nợ quá hạn cuối kỳ}}{\text{Tổng dư nợ cho vay cuối kỳ}} \times 100\%$$

Trong đó: Nợ quá hạn cuối kỳ được xác định theo phân loại nợ do Ngân hàng



Nhà nước quy định, ngoại trừ các khoản nợ khoanh theo quyết định của Chính phủ và nợ tồn đọng cũ được xử lý theo Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg ngày 06/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

• Cách xếp loại:

Xếp loại A: Tỷ lệ nợ quá hạn  $\leq 5\%$

Xếp loại B:  $5\% < \text{Tỷ lệ nợ quá hạn} < 8\%$

Xếp loại C: Tỷ lệ nợ quá hạn  $\geq 8\%$ .

### 2.3. Nhóm chỉ tiêu về lợi nhuận

Chỉ tiêu số 6: Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận trên vốn.

• Công thức tính:

$$\text{Lợi nhuận thực hiện} = \text{Tổng thu nhập} - \text{Tổng chi phí} - \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận thực hiện}}{\text{Tổng nguồn vốn Nhà nước bình quân của 12 tháng}} \times 100\%$$

Trong đó: Vốn Nhà nước tại Tổ chức tín dụng bao gồm vốn điều lệ, vốn xây dựng cơ bản mua sắm tài sản cố định (nếu có), vốn khác và các quỹ được hạch toán trên tài khoản cấp I (60 và 61) trong hệ thống tài khoản của các Tổ chức tín dụng.

• Cách xếp loại:

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn tăng hơn so với năm trước: Xếp loại A

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn bằng hoặc thấp hơn năm trước: Xếp loại B

Tổ chức tín dụng bị lỗ: Xếp loại C.

### 3. Xếp loại Tổ chức tín dụng:

Tổ chức tín dụng xếp loại AAA nếu có đủ 6 chỉ tiêu xếp loại A.

Tổ chức tín dụng xếp loại AA phải có 5 chỉ tiêu xếp loại A và 1 chỉ tiêu xếp loại B, nhưng trong đó 3 chỉ tiêu 4, 5 và 6 xếp loại A.

Tổ chức tín dụng xếp loại BBB nếu có đủ 6 chỉ tiêu xếp loại B trở lên nhưng không đủ điều kiện xếp loại AAA và AA.

Tổ chức tín dụng xếp loại BB phải có 5 chỉ tiêu xếp loại B trở lên và 1 chỉ tiêu xếp loại C, nhưng trong đó 3 chỉ tiêu 4, 5 và 6 xếp loại B trở lên.

Tổ chức tín dụng xếp loại C nếu không đạt các loại xếp hạng trên.

### 4. Báo cáo và công bố kết quả xếp loại:

- Chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổ chức tín dụng có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá, xếp loại theo từng chỉ tiêu theo phụ biểu kèm theo Thông tư này, thuyết minh về các nguyên nhân chủ quan, khách quan

có ảnh hưởng tới kết quả xếp loại Tổ chức tín dụng gửi Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp kết quả tính toán các chỉ tiêu có những biến động bất thường các Tổ chức tín dụng phải báo cáo ngay và giải trình những yếu tố gây nên biến động đó với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và có những biện pháp điều chỉnh, khắc phục kịp thời.

- Trong quý II, Hội đồng quản trị tiến hành công bố kết quả xếp loại năm trước trong phạm vi Tổ chức tín dụng sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính. Đồng thời, gửi báo cáo kết quả xếp loại đã công bố của Tổ chức tín dụng cho Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

### **5. Khen thưởng và xử phạt:**

Dựa trên kết quả xếp loại Tổ chức tín dụng thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật như sau:

5.1. Tổ chức tín dụng xếp loại tốt thì Ban quản lý, điều hành được khen thưởng bằng vật chất theo kết quả kinh doanh như sau:

- Đối với Hội đồng quản trị sẽ được thưởng tối đa 3 tháng lương nếu Tổ chức tín dụng xếp loại AAA, tối đa 2 tháng lương nếu Tổ chức tín dụng xếp loại AA và tối đa 1 tháng lương nếu Tổ chức tín dụng xếp loại BBB.

- Hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh Hội đồng quản trị quyết định mức thưởng cho Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

- Tổng giám đốc quyết định mức thưởng cho Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của các đơn vị chi nhánh và công ty thành viên.

- Tiền thưởng cho ban quản lý, điều hành Tổ chức tín dụng lấy từ Quỹ khen thưởng của Tổ chức tín dụng.

Đối với các Tổ chức tín dụng có cổ phần chi phối của Nhà nước thì đại hội đồng cổ đông được phép vận dụng các quy định về trích lập quỹ để khen thưởng đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc Tổ chức tín dụng.

5.2. Tổ chức tín dụng 2 năm liên được xếp loại AAA thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc hoặc Giám đốc Tổ chức tín dụng được cơ quan có thẩm quyền xét tặng danh hiệu “nhà quản lý giỏi” và xét tăng lương trước thời hạn theo chế độ quy định.

5.3. Tổ chức tín dụng 2 năm liên bị xếp loại C thì căn cứ tình hình thực tế của Tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện các biện pháp sắp xếp lại các chức danh Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc hoặc Giám đốc.



### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) Tổ chức tín dụng có trách nhiệm hướng dẫn cho các chi nhánh tự đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý nhà nước về việc thực hiện cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả kinh doanh của Tổ chức tín dụng.

- Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính đối với Tổ chức tín dụng Nhà nước, kiểm tra, giám

sát các hoạt động tài chính của các Tổ chức tín dụng Nhà nước theo quy định của pháp luật và phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của các Tổ chức tín dụng Nhà nước thông qua hệ thống các chỉ tiêu quy định tại Thông tư này.

- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thứ trưởng*

**Lê Thị Băng Tâm**

**BÁO CÁO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NĂM ...**

(ban hành kèm theo Thông tư số 49/2004/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tài chính).

**I. Thông tin chung:**

1. Loại hình sở hữu (Nếu là Ngân hàng thương mại cổ phần nêu rõ tỷ lệ góp vốn của Nhà nước):
2. Thành phần Hội đồng quản trị (Tên, chức danh từng người):
3. Thành phần Ban giám đốc (Tên, chức danh từng người):
4. Trụ sở chính ; số chi nhánh ; số công ty con

**II. Tình hình hiệu quả hoạt động tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Tỷ lệ %	Xếp loại	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu hoạt động chung</b>					
- <i>Chỉ tiêu số 1:</i> Tốc độ tăng huy động vốn, trong đó:			.....		
+ Số dư vốn huy động bình quân (Triệu đồng)	.....	.....			
- <i>Chỉ tiêu số 2:</i> Tốc độ tăng đầu tư vốn, trong đó:			.....		
+ Dư nợ cho vay bình quân (Triệu đồng)	.....	.....			
+ Dư nợ đầu tư giấy tờ có giá bình quân (Triệu đồng)	.....	.....			
- <i>Chỉ tiêu số 3:</i> Tỷ lệ khả năng sinh lời			.....		
+ Tài sản có sinh lời bình quân (Triệu đồng)	.....	.....			
+ Tổng tài sản có nội bảng bình quân (Triệu đồng)	.....	.....			



- <b>Chỉ tiêu số 4:</b> Chấp hành, thực hiện chính sách, chế độ					
<b>2. Chỉ tiêu an toàn sử dụng vốn</b>					
- <b>Chỉ tiêu số 5:</b> Tỷ lệ nợ quá hạn			.....		
+ Dự nợ quá hạn (Triệu đồng)	.....	.....			
+ Tổng dự nợ cho vay (Triệu đồng)	.....	.....			
<b>3. Chỉ tiêu về lợi nhuận</b>					
- <b>Chỉ tiêu số 6:</b> Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận trên vốn					
+ Lợi nhuận thực hiện (Triệu đồng)	.....	.....			
+ Nguồn vốn Nhà nước bình quân (Triệu đồng)	.....	.....			
+ Tỷ suất lợi nhuận			.....		
+ Lãi/lỗ	.....	.....			

### III. Thuyết minh:

Ngày .... tháng..... năm.....

**Tổng giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

**Ý kiến của Hội đồng quản trị**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

(Ký tên, đóng dấu)